4. Thông tin về học sinh

Loại		Tổng số		Lớp - Học sinh										Trong tổng số	
				Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Lớp ghép	
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh lưu ban năm học trước			6		1		1		3		1		0		0
Trong TS: + Nữ			2		1		0		0		1		0		0
+ Dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
+ Nữ dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
Học sinh bỏ học trong hè			0		0		0		0		0		0		0
Trong TS: + Nữ			0		0		0		0		0		0		0
+ Dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
+ Nữ dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
Học sinh		15	262	3	46	3	54	3	65	3	46	3	51	0	0
Trong TS: - Nữ			127		21		28		27		25		26		0
- Dân tộc:			0		0		0		0		0		0		0
- Nữ dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
- Lớp ghép		0	0		0		0		0		0		0	0	0
Chia ra:	Dân số														
- 6 tuổi			42		42		0								0
- 7 tuổi			56		3		53		0						0
- 8 tuổi			54		1		0		53		0				0
- 9 tuổi			49		0		0		7		42		0		0
- 10 tuổi			52		0		0		2		2		48		0
- 11 tuổi			6		0		1		1		1		3		0
- 12 tuổi			3		0		0		2		1		0		0
- 13 tuổi			0		0		0		0		0		0		0
- 14 tuổi			0		0		0		0		0		0		0
- Trên 14 tuổi			0		0		0		0		0		0		0
Chia ra:		15	262	3	46	3	54	3	65	3	46	3	51	0	0
- Học dưới 30 tiết/tuần		9	165	3	46	3	54	3	65	0	0	0	0	0	0
- Học 30 tiết/tuần		6	97	0	0	0	0	0	0	3	46	3	51	0	0
- Học 31 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 32 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 33 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học 34 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Học 35 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Học trên 35 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Học sinh học ngoại ngữ:		15	262	3	46	3	54	3	65	3	46	3	51	0	0
- Tiếng Anh 2 tiết/tuần		8	119	3	46	3	54	1	14	1	5	0	0	0	0
- Tiếng Anh 3 tiết/tuần		4	92	0	0	0	0	2	51	2	41	0	0	0	0
- Tiếng Anh 4 tiết/tuần		3	51	0	0	0	0	0	0	0	0	3	51	0	0
- Tiếng Anh trên 4 tiết/tuần		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Pháp		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Nhật		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Tiếng Trung		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Ngoại ngữ khác		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Học sinh học tin học		15	262	3	46	3	54	3	65	3	46	3	51	0	0
Trong đó:	Nữ		127		21		28		27		25		26		0
	DT		0		0		0		0		0		0		0
	NDT		0		0		0		0		0		0		0
Học sinh học tiếng dân tộc			0		0		0		0		0		0		0
Học sinh khuyết tật:		6	14	0	0	1	1	2	9	1	2	2	2	0	0
Trong đó:	Nữ		3		0		0		2		1		0		0
	DT		0		0		0		0		0		0		0
	NDT		0		0		0		0		0		0		0
Chia ra: - Hòa nhập		6	14	0	0	1	1	2	9	1	2	2	2	0	0
- Chuyên biệt (lớp CB)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Học sinh bán trú:		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trong đó:	Nữ		0		0		0		0		0		0		0
	DT		0		0		0		0		0		0		0
	NDT		0		0		0		0		0		0		0
Mô hình VNEN		12	216	3	46	3	54	3	65	0	0	3	51	0	0
HSDT có nhu cầu hỗ trợ N.Ngữ			0		0		0								0
HSDT có TL tăng cường T.Việt			0		0		0		0		0		0		0
Lớp có đủ TBDH-TViệt		15		3		3		3		3		3		0	
Lớp có đủ TBDH-Toán		15		3		3		3		3		3		0	
Ban đại diện cha, mẹ HS lớp		13		1		3		3		3		3		0	
Ban đại diện cha, mẹ HS trường			Có												